TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1092/2024/DS-PT
Ngày 30/12/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Muôn

Ông Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng Nghĩa – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Thu Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 946/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1451/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6403/2024/QĐ-PT ngày 06/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: L.N.D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh TN, sinh năm 1961, địa chỉ: khu phố X, thị trấn Y tỉnh Long An và ông Lê HC, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An. (Có mặt)

(Giấy ủy quyền công chứng số 5942, quyển số 12/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/12/2024 tại Văn phòng Công chứng X, tỉnh Long An)

Bị đơn: N.T.T.T, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Bạch Đằng, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Sầm Văn Đ, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Phan Minh N, sinh năm 1983; địa chỉ: 91 Đường số 22, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền công chứng số 6065, quyển số 12/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2024 tại Văn phòng Công chứng X, tỉnh Long An) (Có mặt).

2/ Ông Sầm Tấn L, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Địa chỉ liên lạc: Bạch Đằng, Khu phố 4, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Sầm Thị M.D, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

4/ Ông Phan Minh N, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Phường 11, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà Nguyễn T.K.H, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

6/ Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người kháng cáo bà L..N.D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2023, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn L.N.D do ông H.T.N và Lê HC – Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/4/2021, N.T.T.T có vay số tiền 2.110.000.000 (Hai tỷ một trăm mười triệu) đồng của L.N.D, mục đích để mua nhà. N.T.T.T có viết "Giấy mượn tiền" với thời hạn vay từ ngày 19/4/2021 đến ngày 30/4/2021. L.N.D xác nhận đã viết phần "L.N.D", "1979", "ấp 4, xã X, huyện Y, Long An" tại các dòng 8 và 9 tính từ trên xuống của Giấy mượn tiền ngày 19/4/2021, và ký tên, viết họ tên tại chỗ "Người cho mượn tiền". Ngoài ra, tại giấy mượn tiền nêu trên có ghi "Thời hạn trả nợ cuối cùng: 30.01 ÂI 2021" bà L.N.D xác nhận do N.T.T.T viết nhưng theo yêu cầu của L.N.D vào thời điểm N.T.T.T viết giấy vay nợ thì ngày trả nợ là ngày 30/4/2021 dương lịch.

Ngày 05/11/2021, N.T.T.T làm "Văn bản cam kết trả nợ" với nội dung bà sẽ trả số tiền 2.110.000.000 (Hai tỷ một trăm mười triệu) đồng cho bà L.N.D vào ngày 23/12/2021, nếu không trả thì bà N.T.T.T sẽ thế chấp quán nước nằm trên đất tọa lạc tại ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Ngày 30/11/2021, ông Nguyễn Hoàng L là em ruột của N.T.T.T, ông liên hệ L.N.D để bảo việc bà N.T.T.T nhờ ông mở cửa quán nước và giao quán nước cho bà L.N.D, không có bất kỳ ai khác chứng kiến, khi đó ông L1 có nói do bà N.T.T.T gọi điện thoại về kêu ông giao quán nước cho bà L.N.D vì bà N.T.T.T thiếu nợ bà L.N.D, không có việc thuê quán nước, không có biên bản giao quán nước.

Sau khi nhận quán nước thì bà L.N.D giao lại cho mẹ là bà Nguyễn T.K.H quản lý, sử dụng và kinh doanh bán hàng.

Từ khi vay tiền cho đến nay, bà N.T.T.T chưa trả tiền cho bà L.N.D cả tiền vốn gốc lẫn tiền lời.

Nay, bà L..N.D yêu cầu N.T.T.T phải trả số tiền 2.110.000.000 (Hai tỷ một trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà L.N.D yêu cầu ông Sầm Văn Đ, ông Sầm Tấn L, bà Sầm Thị M.D, ông Phan Minh N phải liên đới trả nợ với bà N.T.T.T do tiền bà N.T.T.T vay tiền của bà L.N.D là để mua nhà đất cho ông Đ, ông L, bà D, ông N cùng sử dụng. Ngoài ra, bà L.N.D không có yêu cầu gì khác.

- Theo các bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn – N.T.T.T trình bày:

Ngày 10/12/2019, bà vay 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng của bà L..N.D, có viết giấy vay tiền, lãi thỏa thuận miệng là 30%/tháng trên số nợ vốn, giấy vay tiền do bà N.T.T.T viết điền nội dung theo mẫu bà L.N.D đưa, không viết tên người cho vay và bà N.T.T.T cũng không được giữ giấy vay tiền này, giấy vay tiền do bà L.N.D giữ. Tháng 1 và tháng 2 của năm 2020, bà N.T.T.T trả lãi mỗi tháng 5.100.000 (năm triệu một trăm ngàn) đồng, tổng trả lãi 02 tháng là 10.200.000 (Mười triệu hai trăm ngàn) đồng, không có biên nhận.

Ngày 08/2/2020, bà N.T.T.T vay tiếp 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng của bà L.N.D, bà N.T.T.T điền tiếp vào Mẫu giấy vay tiền mới với số nợ gộp vào lần 1 là tổng vay 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng, lãi thỏa thuận miệng là 30%/tháng, giấy vay tiền cũng không ghi tên người cho vay.

Cả hai lần vay, bà N.T.T.T đều nhận tiền trực tiếp từ bà L.N.D giao, không có người làm chứng.

Từ ngày 08/02/2020 đến nay, bà N.T.T.T không trả tiếp đồng vốn và lãi nào cho bà L.N.D.

Sau đó, cứ mỗi tháng, bà N.T.T.T sẽ viết bằng cách tự điền vào Mẫu giấy vay tiền do bà L.N.D đưa với số tiền gộp cả vốn là lãi lại nhưng trong giấy vay tiền không ghi nội dung gộp vốn và lãi mà chỉ khi số tiền cụ thể vào giấy vay, các giấy vay viết mỗi tháng cũng không ghi tên người cho vay.

Đến ngày 05/11/2021, bà N.T.T.T tự điền vào văn bản cam kết trả nợ và ký tên, ghi họ tên, nhưng tại văn bản này, bà N.T.T.T phủ nhận các chữ viết tại các dòng 14, 15, 16, 17, 18 tính từ trên đếm xuống thì không phải chữ viết của bà N.T.T.T. Bà N.T.T.T thừa nhận ý chí khi viết " và thế nhà ở", "tại bến đò" tại dòng 13, 15 tại Văn bản cam kết trả nợ ngày 05/11/2021 do bà viết chính là thế chấp quán nước trên đất tại bến đò Vàm Thủ hiện trước nhà đất ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An (hiện bà H đang sử dụng). Do đó, bà N.T.T.T không yêu cầu giám định chữ viết tại các dòng từ 14 đến 18 đã phủ nhận nêu trên.

Bà N.T.T.T phủ nhận không vay số tiền vốn 2.110.000.000 (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng như phía bà L.N.D đã khởi kiện.

Bà N.T.T.T đề nghị được trả số vốn vay 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng làm 03 lần trong hạn 02 tháng. Bà N.T.T.T tự nguyện trả lãi tiếp số tiền vay với mức tính 10%/năm trên số vốn 37 triệu đồng làm 03 lần.

Khi bà N.T.T.T thế chấp thì không được sự đồng ý của ông Đ cũng như các con của bà N.T.T.T là ông L và bà D. Khi vay, bà N.T.T.T trình bày lý do với bà L.N.D là vay tiền để đánh đề, không có ghi mục đích vay vào các giấy vay tiền.

- Theo các bản tự khai và các biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sầm Văn Đ do bà Sầm Thị M.D - Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Sầm Văn Đ là chồng N.T.T.T. Ông Đ không biết việc bà N.T.T.T vay tiền và thế chấp quán nước trên đất tại ấp 4, xã Mỹ Phú, Thủ Thừa, Long An cho bà L..N.D. Ông Đ cũng không tham gia vào quá trình giao dịch vay tiền và thế chấp nêu trên. Trên thửa đất tại ấp 4, xã Mỹ Phú, Thủ Thừa, Long An có cất nhà cấp 4 và quán nước trước nhà là do ông Đ cất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đứng tên ông Đ, là tài sản riêng của ông Đ.

Ngày 02/8/2023, ông Sầm Văn Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã M, huyện X, Long An cho bà Sầm Thị M.D (con ông Đ và bà N.T.T.T).

Bà N.T.T.T vay tiền của bà L.N.D vào mục đích cá nhân, không phục vụ kinh tế gia đình nên ông Đ không đồng ý liên đới trả nợ với bà N.T.T.T.

- Theo các bản tự khai và các biên bản hòa giải, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Sầm Thị M.D trình bày:

Bà Sầm Thị M.D là con ruột của N.T.T.T và ông Sầm Văn Đ. Bà D không biết được việc bà N.T.T.T vay tiền và thế chấp quán nước trên đất tọa lạc tại ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An cho bà L..N.D. Bà D cũng không tham gia vào quá trình giao dịch việc vay tiền và thế chấp nêu trên. Trên thửa đất tại ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An có cất nhà cấp 4 trên đó và quán nước trước nhà là do ông Đ cất, Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có quán nước cho ông Sầm Văn Đ, tài sản này là tài sản riêng của ông Đ.

Ngày 02/8/2023, bà D và ông Phan Minh N đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An từ ông Sầm Văn Đ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3665, quyển số 8/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/8/2023 do Văn phòng Công chứng X chứng nhận với giá chuyển nhượng là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

Nay, bà D và ông N không có yêu cầu độc lập trong vụ án và sẽ thực hiện đơn khởi kiện bà L.N.D đòi lại quán nước bằng một vụ kiện khác.

Bà N.T.T.T vay tiền của bà L.N.D cho mục đích cá nhân, không dùng vào mục đích phục vụ kinh tế gia đình nên bà D không đồng ý liên đới trả nợ với bà N.T.T.T.

- Theo các bản tự khai và các biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Minh N trình bày:

Ông Phan Minh N là chồng của Sầm Thị M.D. Ông N thống nhất với ý kiến của bà D như sau:

Bà N.T.T.T vay tiền của bà L.N.D cho mục đích cá nhân, không dùng vào mục đích phục vụ kinh tế gia đình nên ông N không đồng ý liên đới trả nợ với bà N.T.T.T.

Ông N không có yêu cầu độc lập trong vụ án và sẽ thực hiện đơn khởi kiện bà L.N.D đòi lại quán nước bằng một vụ kiện khác.

- Theo các bản tự khai và các biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Sầm Tấn L trình bày:

Ông Sầm Tấn L là con ruột của N.T.T.T và ông Sầm Văn Đ. Ông L không biết được việc N.T.T.T vay tiền và thế chấp quán nước trên đất tọa lạc tại ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An cho bà L..N.D. Ông L cũng không tham gia vào quá trình giao dịch việc vay tiền và thế chấp nêu trên. Bà N.T.T.T vay tiền của bà L.N.D vào mục đích cá nhân, không dùng vào mục đích phục vụ kinh tế gia đình nên ông L không đồng ý liên đới trả nợ với bà N.T.T.T. Ngoài ra, ông L không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Theo các bản tự khai và các biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn T.K.H do ông Huỳnh TN, ông Lê HC - Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn T.K.H là mẹ ruột của bà L..N.D. Bà Hoa hiện đang quản lý sử dụng quán nước tại thừa đất ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An do bà L..N.D giao cho bà quản lý, sử dụng để kinh doanh từ việc thế chấp của bà N.T.T.T. Quá trình sử dụng quán, bà Hoa không có tu bổ, xây cất cơi nới thêm tại quán nước này, bà vẫn giữ nguyên hiện trạng của quán như khi được bàn giao. Bà Hoa chỉ giao trả quán lại khi bà L.N.D yêu cầu. Bà Hoa không có yêu cầu độc lập.

- Theo các bản tự khai và các biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng L là em ruột của N.T.T.T, khoảng tháng 11 năm 2021, bà N.T.T.T có gọi điện thoại nhờ ông L1 mở cửa và giao quán nước tại thửa đất ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An cho bà L..N.D. Sau đó, ông L1 gọi điện thoại cho bà L.N.D đến nhận quán. Ông L1 không nhớ thời điểm giao quán và cũng không lập biên bản về việc giao quán nước.

Hiện trạng và tài sản trong quán khi giao cho bà L.N.D đúng với nội dung hiện trạng và tài sản có trong quán nước được nêu tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh lập đối với quán nước tại bến đò Vàm Thủ - Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Ông L1 không biết và không tham gia vào quá trình giao dịch việc vay tiền, cho thuê quán nước, giao nhận tiền vốn, tiền lãi vay giữa bà L..N.D và N.T.T.T. Ông L1 không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, nguyên đơn xác định không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày về việc bị đơn vay tiền để mua nhà cho ông Sầm Văn Đ, bà Sầm Thị M.D, ông Sầm Tấn L. Nguyên đơn yêu cầu N.T.T.T phải hoàn trả số tiền vay còn nợ là 2.110.000.000 (Hai tỷ một trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không có yêu cầu Tòa án xem xét việc thế chấp quán nước tại bến đò Vàm Thủ trên đất tọa lạc tại Xã M, huyện X, tỉnh Long An. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu ông Sầm Văn Đ, ông Sầm Tấn L, bà Sầm Thị M.D và ông Phan Minh N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà N.T.T.T do bà N.T.T.T vay tiền của bà L.N.D mua nhà cho ông Đ, bà D, ông L và ông N.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về việc chỉ vay số tiền là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng, đã trả được 02 tháng tiền lãi tổng cộng là 10.200.000 đồng nhưng bà cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Bà không có ý kiến và yêu cầu gì đối với việc thế chấp quán nước tại bến đò Vàm Thủ trên đất tại Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Bà N.T.T.T xác định bà vay tiền của bà L.N.D vì mục đích tiêu xài cá nhân, không để mua nhà đất và phục vụ kinh tế gia đình nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà không có yêu cầu khác.

Ông Sầm Tấn L và ông Phan Minh N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc xác định trách nhiệm liên đới trả nợ với N.T.T.T vì mục đích vay tiền của bà N.T.T.T không phục vụ kinh tế gia đình, không có việc bà N.T.T.T mua nhà ở cho các ông. Ông L và ông N xác định không có yêu cầu độc lập.

Bà Nguyễn T.K.H xác nhận hiện bà đang quản lý sử dụng quán nước trước nhà ấp 4 xã X, huyện Y, tỉnh Long An do bà L..N.D giao cho bà. Do đó, bà chỉ giao lại quán nước cho bà L.N.D khi bà L.N.D yêu cầu. Bà Hoa không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1451/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 và Quyết định sửa đổi, bổ sung bản án sơ thẩm số 262, 371/2024/QĐ-SCBSBA ngày 14,16/8/2024 của Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh của Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà L..N.D; buộc N.T.T.T phải trả lại số tiền 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng cho bà L..N.D, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà L..N.D về việc yêu cầu ông Sầm Văn Đ, ông Sầm Tấn L, bà Sầm Thị M.D và ông Phan Minh N cùng liên đới trách nhiệm trả nợ với N.T.T.T.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: rút một phần kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến chi phí tố tụng với số tiền 10.000.000 đồng bởi vì tại phiên tòa sơ thẩm cho đến nay thì nguyên đơn tự nguyện chịu nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên một phần yêu cầu kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 1451/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Sầm Văn Đ liên đới chịu trách nhiệm cùng N.T.T.T trả nợ cho bà L.N.D số tiền 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng. Bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 37 và khoản 2 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì số tiền bà N.T.T.T vay bà L.N.D được chi phí cho các nhu cầu thiết yếu của gia đình bà N.T.T.T, ông Đ nên ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ với bà N.T.T.T.

Bị đơn là N.T.T.T trình bày: số tiền bà vay của bà L.N.D sử dụng vào việc chơi đề, không phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình, ông Đ là chồng bà không biết việc vay tiền này. Bà cho rằng bà chỉ vay 37.000.000 đồng nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà trả số tiền nợ gốc 37.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng cho bà L.N.D. Do bà bị hù dọa, đe dọa đến tính mạng nên bà ký tên vào Giấy mượn tiền đề ngày 19/4/2021 và Văn bản cam kết trả nợ vào ngày 05/11/2021 có ghi nhận thế chấp tài sản của ông Đ là quán nước và giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản tọa lạc tại địa chỉ Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Bà đồng ý với ý kiến rút một phần yêu cầu kháng cáo về chi phí tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Minh N đại diện theo ủy quyền của ông Sầm Văn Đ trình bày: Ông không biết việc bà N.T.T.T vay tiền của bà L.N.D, số tiền vay này bà N.T.T.T không đưa vào trang trải chi phí sinh hoạt chung trong gia đình. Bản thân ông Đ đang có công việc ổn định, cũng có thu nhập. Do đó, ông không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bà N.T.T.T.

- Ông Sầm Tấn L trình bày: bà N.T.T.T vay tiền bà L.N.D thì ông không hay biết, bà N.T.T.T không vay sử dụng số tiền 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng vào sinh hoạt chung trong gia đình. Ông đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.N.D buộc ông Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bà N.T.T.T.

- Bà Sầm Thị M.D và ông Phan Minh N trình bày: ông bà trình bày giống như ý kiến của ông L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên đình chỉ một phần kháng cáo của nguyên đơn về việc chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ) đối với số tiền 10.000.000 đồng; không chấp nhận một phần kháng cáo của bà L..N.D về việc buộc ông Sầm Văn Đ liên đới chịu trách nhiệm cùng N.T.T.T trả số tiền vay 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng, y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà L..N.D nộp ngày 08/8/2024 và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp ngày 14/8/2024 trong thời hạn luật định nên nguyên đơn đã thực hiện thủ tục kháng cáo đúng quy định pháp luật.

Bà L..N.D yêu cầu Tòa án buộc N.T.T.T và các ông Sầm Văn Đ, ông Sầm Tấn L, ông Phan Minh N, bà Sầm Thị M.D liên đới trả nợ với N.T.T.T. Đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn T.K.H và ông Nguyễn Hoàng L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của đương sự.

- Chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ: nguyên đơn yêu cầu bị đơn và ông Sầm Văn Đ phải chịu chi phí tố tụng với số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng vẫn giữ nguyên ý kiến rút một phần kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến chi phí tố tụng đối với số tiền 10.000.000 đồng bởi vì tại phiên tòa sơ thẩm cho đến nay thì chi phí này nguyên đơn tự nguyện chịu nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

- Đề nghị Tòa án buộc ông Sầm Văn Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với N.T.T.T.

Tại “Giấy mượn tiền” ngày 19/4/2021 và “Văn bản cam kết trả nợ" ngày 05/11/2021 bà N.T.T.T ký tên thừa nhận mượn tiền của bà L.N.D, ngoài chữ viết, chữ ký của bà N.T.T.T thì không có ký nhận nợ của ông Sầm Văn Đ. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm liên đới trả cùng với bà N.T.T.T. Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền bà N.T.T.T vay nhằm phục vụ vào nhu cầu thiết yếu sinh hoạt gia đình bà N.T.T.T, ông Đ.

Bị đơn không có chứng cứ chứng minh thực tế vay số tiền 37.000.000 từ bà L.N.D chứ không phải số tiền vay là 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc N.T.T.T phải trả cho bà L..N.D số tiền 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L.N.D về việc buộc ông Sầm Văn Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với bà N.T.T.T.

[2.2] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Tòa án không chấp nhận một phần kháng cáo của bà L..N.D về việc buộc ông Sầm Văn Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ với N.T.T.T, đình chỉ xét xử phúc thẩm chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và y Bản án dân sự sơ thẩm số 1451/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Toà án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn nên bà L..N.D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng bà L.N.D đã đóng theo Biên lai thu số 0028923 ngày 14/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà L.N.D đã đóng xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 3 Điều 284, điểm c khoản 1 Điều 289 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của bà L..N.D về chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ).

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà L..N.D về việc buộc ông Sầm Văn Đ liên đới chịu trách nhiệm cùng N.T.T.T trả cho bà L..N.D số tiền 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1451/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 và Quyết định sửa đổi, bổ sung bản án sơ thẩm số 262, 371/2024/QĐ-SCBSBA ngày 14,16/8/2024 của Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà L..N.D; buộc N.T.T.T phải trả lại số tiền 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu) đồng cho bà L..N.D, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà L..N.D về việc yêu cầu ông Sầm Văn Đ, ông Sầm Tấn L, bà Sầm Thị M.D và ông Phan Minh N cùng liên đới trách nhiệm trả nợ với N.T.T.T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L.N.D cho đến khi thi hành án xong, bà N.T.T.T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

N.T.T.T được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, tạm ứng án phí.

Bà L..N.D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.100.000 (ba mươi bảy triệu một trăm ngàn) đồng, bà L..N.D được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 36.800.000 (Ba mươi sáu triệu tám trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0028377 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà L..N.D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà L.N.D đã đóng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028923 ngày 14/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà L.N.D đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5] Chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ): Ghi nhận sự tự nguyện của bà L..N.D tự chịu chi phí tố tụng với số tiền 10.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Muôn **Nguyễn Thanh Vân** **Nguyễn Thị Ngọc Phương**